

Tiếng Việt gốc tiếng Pháp

Tiếng Pháp, tiếng Việt giống nhau,
Cùng nhau tìm chữ, tìm câu hàng ngày.

Mu-soa (mouchoir) là cái khăn tay.
Buya-rô (bureau) bàn giấy, để ngay văn phòng.
Savon là cục **xà-bông**.
Ban-công (balcon) là chỗ đứng trông trước nhà.
Xót-ti (sortir) có nghĩa: đi ra.
Ve (vert): màu xanh lá; màu là **cu-lơ** (couleur).
Beurre: thì có nghĩa là **bơ**.
Ăn với **ba-gét** (baguette): bánh mì dưa que.
Chìa khóa còn gọi **cờ-lê** (cle').
Đốc-tơ (docteur): bác sĩ; kẹo là **bon-bon** (bonbon).
Thịt nguội còn gọi **giảm-bông** (jambon).
Quần dài là **păng-ta-lông** (pantalon), đúng không?
Tóc tém: **đờ-mi gác-xông** (demi garçon).
Phòng khách có ghế **sa-lông** (salon) để ngồi.
Súp-lơ (choux fleur): bông cải, bắp nồi.
Cùi-dĩa (cuillère): thìa, muỗng, xin mời ăn cơm!
Quả táo còn gọi: **trái bom** (pomme).
Dễ thương hay gọi **mi-nhon** (mignon), hay dùng.
Coát-xăng (croissant) là bánh hai sừng.
Cà-rem (crème) ai thấy cũng mừng, cũng ham.
Đặt hàng còn gọi **còm-măng** (commande).
Sóph-phơ (chauffeur) tài xế, phải ngồi **vô lăng** (volant).
Gọi mẹ, thì gọi **ma-măng** (maman).
Thường trực là **peç-ma-năng** (permanent) nghe bà
Lối đi qua, gọi **cu-loa** (couloir).
Bi-da (billard) chơi nhớ, phải chà **cục lơ** (bleu).
Người chạy xe đạp: **cua-rơ** (coureur).
Đồng hồ điện, gọi **công-tơ** (compteur) hả bỏ?
Bảo vệ là **gác-đờ-co** (garde de corps).
Áo khoác dài gọi **măng-tô** (manteau) đó mà.
Tạm biệt, nói **ô-rờ-voa** (au revoir).
Món gà nấu đậu, gọi là **la-gu** (ragout).
Chửi nhau nói: **mẹc-xà-lù** (merde salaud).
Pê-đan (pédale) bàn đạp, rất cần cho xe.
Màu da ta gọi màu **be** (beige).
Cà-vẹt (carte verte) là giấy xe nê, hờ anh?
Thắng xe, thì gọi là **phanh** (frein).
Cà-vạt (cravate) nhớ thắt, để thành... đẹp trai.
Pít-xin (piscine) là cái hồ bơi.
Búp-bê (poupée) bé thích, bé ngồi, bé mơ...
Buộc-boa (pourboire) ám chỉ tiền bo.
Tích-kê (ticket) là vé; ri-đô (rideau) là màn.
Táp-pi (tapis) là tấm thảm sàn.
Sinh nhật, nhớ mở nhảy đầm **đăng-xê** (danser).

Đầm dài là cái **xoa-rê** (soirée).
Giúyp (jupe) là váy ngắn, nhìn mê không bỏ?
Xe hơi còn gọi **ô tô** (auto).
Đờ mi (demi): một nửa; **bô** (beau) là đẹp trai.
Đúp (double) thì có nghĩa: gấp hai.
Bưu ảnh, là **cạc-pốt-tan** (carte postale) có hình.
Co (corp) là để chỉ thân mình.
Đề-pa (départ) mang nghĩa khởi hành đó nha.
Tôi thì mình xưng là **moa** (moi).
Còn bạn có nghĩa là **toa** (toi), là mày.

Tiếng Pháp Việt hóa, thật hay.
Nhưng không thể viết một ngày mà xong.
Chỉ mong đóng góp cộng đồng.
Soạn đi soạn lại, vẫn còn nhiều ghê...
Thủ quỹ quen gọi **kết-xê** (caissier).
Giới thiệu nhà cửa, bởi mê **tiền cò** (com: commission).
Bệnh hoạn, ai lại chẳng lo?
Chạy mua thuốc ở tiệm gọi là **phạc-ma-xi** (pharmacie).
Màu xám còn gọi **màu ghi** (gris).
Cục **gôm** (gomme) để xóa, viết chì để ghi.
Con gái tôi, gọi **ma-phi** (ma fille).
Đét-xe (dessert) tráng miệng, ăn khi tiệc tàn.
Nhảy đầm, đẹp nhất điệu **van** (valse).
Nhe nhàng thanh thoát, chàng nàng say mê.
Mỗi sáng một **phin** (filtre) **cà-phê** (café).
Bắt đầu làm việc, không hề quên đầu.
In- trô (intro): khúc nhạc dạo đầu.
Cam- nhông (camion): xe tải; **lơ** (bleu): màu xanh xanh.
Tiệc tùng khai rượu **sâm-banh** (champagne).
Sô-cô-la (chocolat) đắng, người sành thấy ngon.
La-de (la bière) uống giống bia lon.
Có người không thích, thì ngồi chê bai.
Bia (bière) bia bọt, chỉ nên lai rai.
Uống nhiều bia quá, hao tài, hao **phăng** (franc).
Tiền thì nhớ bỏ nhà **băng** (banque).
Trai gái sắp cưới, gọi là **phi-ăng-xê** (fiancé)
Mùa hè nắng gắt thấy ghê,
Nhớ đeo **găng** (gants) để khỏi bị chê đen thùi.
Ăn cơm, ăn **xúp** (soupe); ăn **nui** (nouille).
Nhớ chan nước **xốt** (sauce), nhớ mùi rau thơm.
Điện tín là **tê-lê-gam** (télégramme).
Vợ tôi thì nói "**ma pham**" (ma femme) của mình.
Te-ríp (terrible): là chuyện thất kinh.
Phi-nan (final): kết thúc... thôi thì... mình **xì-tốp** (stop)... luôn.